

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ VINH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 6	Lớp 7, 8, 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Hoàn thành CT Tiểu học và trong độ tuổi thuộc diện Phổ cập của phường Đông Vinh và xã Hưng Đông	Học sinh xếp loại học lực và hạnh kiểm cuối năm học từ TB trở lên.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình 37 tuần theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh	- Đầy đủ phòng học và phòng chức năng phục vụ học tập. - Trang thiết bị dạy học đầy đủ.	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật.	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đội ngũ CBQL-GV đạt chuẩn và trên chuẩn - Phương pháp quản lý linh hoạt, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Lớp 6 - Học lực: Tốt, Khá: 52,7%, Đạt: 45,8%, chưa đạt: 1,5% Hạnh kiểm: Tốt, Khá: 97,8%; Đạt: 2,2%	Lớp 7,8,9 - Học lực: Giỏi, Khá: 51,3%, TB: 47,3%, Yếu: 1,4% Hạnh kiểm: Tốt, Khá: 97,9%, TB: 2,1% - HS tốt nghiệp THCS 96,3%
		- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập. - HS lên lớp: $\geq 98,7\%$	
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn.	

Hưng Đông, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Trần Thị Trâm Anh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ VINH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1009	231	298	260	220
1	Tốt (Tỷ lệ % so với tổng số)	842 83,4%	182 78,8%	240 80,5%	198 76,2%	164 74,5%
2	Khá (Tỷ lệ % so với tổng số)	146 14,5%	44 19%	44 14,8%	54 20,8%	46 20,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ % so với tổng số)	21 2,1%	5 2,2%	14 4,7%	8 3,1%	10 4,5%
II	Số học sinh chia theo học lực	1009	231	298	260	220
1	Giỏi (Tỷ lệ % so với tổng số)	142 14,1%	35 15,2%	34 11,4%	38 14,6%	35 15,9%
2	Khá (Tỷ lệ % so với tổng số)	379 37,6%	87 37,5%	115 38,6%	98 37,7%	79 35,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ % so với tổng số)	474 47,0%	106 45,8%	146 49%	121 46,5%	101 45,9%
4	Yếu (Tỷ lệ % so với tổng số)	14(1,4%)	3(1,5%)	3(1%)	3(1,2%)	5(2,3%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Lên lớp (Tỷ lệ % so với tổng số)	998 98,6%	228 98,7%	295 99%	257 98,8%	215 97,7%
a	Học sinh giỏi (Tỷ lệ % so với tổng số)	142 14,1%	35 15,2%	34 11,4%	38 14,6%	35 15,9%
b	Học sinh tiên tiến (Tỷ lệ % so với tổng số)	292 37,5%	0	115 38,6%	98 37,7%	79 35,9%
2	Thi lại (Tỷ lệ % so với tổng số)	65(8,2%)	12(5,2%)	18(6,1%)	35(13,6%)	0
3	Lưu ban (Tỷ lệ % so với tổng số)	14(1,4%)	3(1,3%)	3(1,0%)	3(1,2%)	5(2,3%)
4	Chuyển trường đến/đi (Tỷ lệ % so với tổng số)	8(0,8%)	1(0,4%)	2(0,7%)	3(1,2%)	2 (0,8%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (Tỷ lệ % so với tổng số)	5(0,5%)	0	1(0,4%)	2(0,7%)	2 (0,8%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25				25
1	Cấp huyện	24				24
2	Cấp tỉnh/thành phố	1				1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	219				219
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	214				214
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	33(15,1%)				33(15,1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	80(36,2%)				80(36,2%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	106(48,7%)				106(48,7%)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	536/473	130/101	154/144	137/123	115/105

Hưng Đông, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Trần Thị Trâm Anh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ VINH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2021-2022

STT	Nội dung		Số lượng		Bình quân	
I	Số phòng học		23			
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố		23			
2	Phòng học bán kiên cố		0			
3	Phòng học tạm, Phòng học nhờ		0			
4	Số phòng học bộ môn		2			
5	Số phòng học đa chức năng		0		-	
6	Bình quân lớp/phòng học		1/1		-	
7	Bình quân học sinh/lớp		43,9 hs/lớp		-	
III	Số điểm trường		01		-	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		8317,6m ²		8,3m ² /1 hs	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		2100m ²		2,1m ² /1 hs	
VI	Tổng diện tích các phòng					
1	Diện tích phòng học (m ²)		48m ²		1,1m ² /1 hs	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		510m ²		5,1 m ² /1 hs	
3	Diện tích thư viện (m ²)		77,8m ²			
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng GDRLTC) (m ²)		208m ²		2,1m ² /1 hs	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		74m ² /phòng			
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đvtính:bộ)				Số bộ/lớp	
1	Khối lớp 6		1 bộ			
2	Khối lớp 7		1 bộ			
3	Khối lớp 8		1 bộ			
4	Khối lớp 9		1 bộ			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		23		2 học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác				Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi		8			
2	Cát xét		4			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		5			
5	Nhạc cụ		1			
6	Máy in		7			
7	Máy photôcopy		1			
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5/5		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				
	Nội dung				Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XVII	Kết nối internet				x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường				x	
XIX	Tường rào xây				x	

Hưng Đông, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ VINH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47		16	28	0	3		14	28	1	13	31		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	40		13	27	0			14	26					
1	Toán	10		6	4				5	5		3	7		
2	Lý	2			2				1	1			2		
3	Hóa	1		1						1		1	1		
4	Sinh	3		1	2				1	2		1	2		
5	Văn	10		4	6				3	7		2	8		
6	Sử	2		1	1				1	1			2		
7	Địa	2			2					2		1	1		
8	Giáo dục công dân	0													
9	Ngoại ngữ	4			4					4		1	3		
10	Tin học	1			1				1				1		
11	Công nghệ	0													
12	Thể dục	2			2				1	1		1	1		
13	Âm nhạc	1			1					1			1		
14	Mỹ thuật	1			1					1			1		
15	Tổng PT Đội	1		1					1			1			
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2		1	1		
III	Nhân viên	4													
1	Nhân viên văn thư, thư viện	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ, thiết bị, thí nghiệm	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								

Hưng Đông, ngày 06 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

Trần Thị Trâm Anh